

Số: 25/2023/QĐST-HNGĐ

Cầu Ngang, ngày 18 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST/HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Cẩm N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khóm 4, Phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị Cẩm N và anh Lê Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị Cẩm N và anh Lê Văn S tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

- *Về nuôi con tên:* Lê Bảo N, sinh ngày 11/3/2017 và Lê Phúc K, sinh ngày 09/6/2021. Chị N và anh S tự thỏa thuận về quyền nuôi con như sau:

Chị Phạm Thị Cẩm N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con tên Lê Bảo N, sinh ngày 11/3/2017 và Lê Phúc K, sinh ngày 09/6/2021, khi ly hôn.

Anh Lê Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở

người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tòa án đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, nhưng chị N và anh S không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng:* Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng chị N và anh S không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, phải trả:* Tại phiên hòa giải chị N và anh S không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Phạm Thị Cẩm N tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017461, ngày 08/9/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Hoàn trả cho chị Phạm Thị Cẩm N 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lý Thanh Lâm